TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG – TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16-5-2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thuỷ và bà Lê Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Công Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 365/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trương Thị T - sinh năm: 1995; địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 048195005782, cấp ngày: 10/8/2021 (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Võ Anh T1 - sinh năm: 1992; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; số định danh cá nhân: 048092005206 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/10/2024, bản tự khai ghi ngày 17/3/2025 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trương Thị T trình bày:

Bà Trương Thị T và ông Võ Anh T1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng vào ngày 02/6/2014 (số đăng ký: 65/2014, quyển số: 01/2014). Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian chung sống, giữa hai bên đã tồn

tại nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hoà hợp trong lối sống, cách ứng xử dẫn đến thường xuyên cải vã, ông T1 nhiều lần sử dụng bạo lực với bà T làm cho đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà T về lại nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 10 năm 2024 cho đến nay. Bà T xác định không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T1.

Về con chung, bà T xác định có 02 con chung tên Võ Thị Khánh M – sinh ngày: 07/10/2015 và Võ Anh T2 - sinh ngày: 15/8/2018. Hiện tại, bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung Võ Thị Khánh M, còn cháu Võ Anh T2 đang ở cùng ông Võ Anh T1. Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M, giao cháu T2 cho ông T1 nuôi dưỡng khi ly hôn, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông Võ Anh T1 không trình bày ý kiến, không đến Toà án để tham gia tố tụng dù đã được Toà án cấp, tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết, thu thập chứng cứ, tống đạt văn bản tố tụng cho các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án; tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết nội dung vụ án*: Căn cứ các Điều 51, 56, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Trương Thị T được ly hôn ông Võ Anh T1, giao mỗi người nuôi 01 con chung theo yêu cầu của bà T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về án phí: Buộc bà T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Trương Thị T và ông Võ Anh T1 đã tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 65/2014, quyển số: 01/2008 vào ngày 02/6/2014. Bị đơn ông Võ Anh T1 hiện đang cư trú tại huyện H, thành phố Đà Nẵng. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà T đối với ông T1 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Võ Anh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung giải quyết*: Quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Thị T và ông Võ Anh T1 là hợp pháp. Trong thời gian chung sống, giữa hai bên đương sự phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên đời sống chung không còn hạnh phúc, mỗi người sống một nơi, bà T không muốn tiếp đời sống chung vợ chồng. Theo bà T khai, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc nhau từ tháng 10/2024 cho đến nay là do vợ chồng không hoà hợp trong lối sống, cách ứng xử dẫn đến thường xuyên cải vã, ông T1 nhiều lần sử dụng bạo lực với bà T.

[4] Qua xác minh tại địa phương nơi bị đơn đang cư trú vào ngày 27/3/2025 thể hiện ông T1 đang sống cùng con trai Võ Anh T2 tại thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; bà T sống cùng con gái Võ Thị Khánh M tại xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; mâu thuẫn trong gia đình thì địa phương không hay biết. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà T kiên quyết xin được ly hôn, còn ông T1 không đến Tòa án, điều này thể hiện bị đơn không còn mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng. Như vậy, lời trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân, sự mâu thuẫn giữa hai bên là đúng sự thật. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định đời sống hôn nhân của các đương sự đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài. Xét thấy yêu cầu ly hôn của bà T phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T ly hôn ông T1, phù hợp với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà.

[5] *Về nuôi dưỡng con chung*: Bà T và ông T1 có 02 con chung tên Võ Thị Khánh M – sinh ngày: 07/10/2015 và Võ Anh T2 - sinh ngày: 15/8/2018. Hiện nay, bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung Võ Thị Khánh M, còn cháu Võ Anh T2 đang ở cùng ông Võ Anh T1. Bà T mong muốn được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Võ Thị Khánh M khi ly hôn, giao con chung Võ Anh T2 cho ông T3 tiếp tục nuôi dưỡng. Xét yêu cầu của bà T phù hợp với nguyện vọng của cháu M và điều kiện thực tế, đảm bảo quyền lợi và sự phát triển bình thường của các cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung khi ly hôn của bà T, đúng quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà.

[6] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng:* Bà T không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] *Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản đối với bên thứ ba*: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T xác nhận không có tài sản chung và nghĩa vụ tài sản gì đối với bên thứ ba trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Trường hợp nếu có tranh chấp thì các bên được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác để yêu cầu giải quyết.

[8] *Về án phí:* Bà T phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T đối với ông Võ Anh T1 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trương Thị T ly hôn ông Võ Anh T1.

2. Về con chung: Giao con chung tên Võ Thị Khánh M – sinh ngày: 07/10/2015 cho bà Trương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung tên Võ

Anh T2 - sinh ngày: 15/8/2018 cho ông Võ Anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng; bà T và ông T1 không cấp dưỡng nuôi con chung.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Trương Thị T phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0008290 ngày 09/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng; như vậy, bà T đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (16/5/2025). Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hoà Vang;
- CCTHADS huyện Hoà Vang;
- UBND xã H;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Đức Tuấn